

Bản án số: 152/2019/DS-ST
Ngày: 15/7/2019
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Bà Tống Thị Kim Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2019/DSST ngày 20/3/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở: Số 89 đường H, phường L, quận Đ, Thành phố N; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T, sinh ngày 1994; địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà V, số 20 đường H, Phường M, quận T, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 31/01/2019) (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1975; địa chỉ: 6/16 đường S, tổ 13, Khu phố H, phường T, Quận B, Tp H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đoàn Anh T trình bày:

Ngày 20/11/2014, ông Phan Văn H có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: No 294497 (Hợp đồng tín dụng số 20141203-802005-0001) với Ngân hàng V để vay số tiền 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn), trong đó phí bảo

hiểm tiền vay là 800.000 đồng và khoản vay tiêu dùng là 16.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, ông Phan Văn H có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 29.211.000 đồng (Gồm cả tiền gốc và tiền lãi), trả liên tiếp trong vòng 24 tháng, trong đó: 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền là 1.218.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.197.000 đồng. Thanh toán vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 03/01/2015.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 13.448.000 đồng, ông H còn nợ ngân hàng số tiền 15.763.000 đồng. Kể từ ngày 29/12/2015 ông Phan Văn H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn H thanh lý hợp đồng và trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 11.429.838 (mười một triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng

- Nợ lãi: 4.333.162 (bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng

Tổng cộng là: 15.763.000 (Mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu ông H trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi là 15.763.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày khởi kiện cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Ngoài ra, ông xác định nguyên đơn cho cá nhân ông H vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông H có nghĩa vụ trả nợ.

Về vấn đề số tiền bảo hiểm 800.000 đồng, ông có ý kiến như sau: Trong quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận tại văn bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” giữa Công ty Đ và ông H, mặt khác thời hạn bảo hiểm đã hết, phía công ty bảo hiểm cũng không có ý kiến gì phản hồi với nguyên đơn. Do vậy, ông đề nghị không đưa Công ty Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập tham gia tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:*

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường T, Quận B, Thành phố H thì bị đơn cư trú tại địa chỉ 6/16 đường S, tổ 13, Khu phố H, phường T, Quận B, Tp H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt không có lý do; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Phan Văn H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: No 294497 ngày 20/11/2014 (Hợp đồng tín dụng số 20141203-802005-0001) được ký giữa Ngân hàng V và ông Phan Văn H, các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm ngàn) đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo sự thỏa thuận 5.00%/tháng.

- *Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 11.429.838 đồng và lãi là 4.333.162 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: No 294497, Bảng tính lãi và lịch sử thanh toán thẻ hiện ông H vay Ngân hàng số tiền 16.800.000 đồng và theo thỏa thuận, ông H có trách nhiệm trả nợ trong thời hạn 24 tháng với tổng số tiền là 29.211.000 đồng (Gồm cả tiền gốc và tiền lãi), tính đến ngày 29/12/2015 ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.448.000 đồng rồi ngưng không thanh toán tiếp. Như vậy, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 15.763.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 11.429.838 đồng, nợ lãi là 4.333.162 đồng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ ngày 29/12/2015 đến nay ông H không trả nợ cho nguyên đơn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H trả số tiền là 15.763.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 11.429.838 đồng và nợ lãi là 4.333.162 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc không đưa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông vào tham gia tố tụng Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: No 294497 và bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” có đủ cơ sở xác định ông H có tham gia bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân đối với khoản vay của ông H tại Ngân hàng V.

Căn cứ vào bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” thì thời hạn bảo hiểm là từ 00 giờ 00 phút 00 giây ngày 03/12/2014 đến 23 giờ 59 phút 59 giây ngày 02/12/2016. Như vậy, thời hạn bảo hiểm đối khoản vay tín dụng trên của ông H đã hết.

Hơn nữa, trong suốt quá trình thực hiện thỏa thuận bảo hiểm tín dụng không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của bên nhận bảo hiểm. Do vậy, việc nguyên đơn đề nghị Tòa án không đưa Công ty Đ vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[3] Về thời hạn trả: Xét ông Phan Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết của các bên. Nguyên đơn yêu cầu ông Phan Văn H phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo

Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V:

1. Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: No 294497 ngày 20/11/2014 là 15.763.000 (mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn) đồng, bao gồm nợ gốc là 11.429.838 (mười một triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, tám trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi là 4.333.162 (bốn triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, một trăm sáu mươi hai) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng V không yêu cầu ông Phan Văn H phải trả tiền lãi chậm trả cho Ngân hàng V kể từ ngày khởi kiện 31/01/2019 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 788.150 (bảy trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 394.075 (ba trăm chín mươi bốn ngàn, không trăm bảy mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026864 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự

vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương